|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**  Luật số: …./20…/QH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT LUẬT BẢN DẠNG GIỚI**

***(Dự thảo trình UBTVQH)***

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Phạm vi điều chỉnh**

Luật quy định về quyền và nghĩa vụ của người chuyển đổi giới tính; điều kiện, hồ sơ, thủ tục đối với người chuyển đổi giới tính; điều kiện, hồ sơ, thủ tục đối với tổ chức, cá nhân thực hiện xác định tâm lý, can thiệp y học để thay đổi hình thể của người chuyển đổi giới tính đúng với giới tính đã được công nhận.

**Điều 2: Đối tượng áp dụng**

1. Cá nhân có yêu cầu công nhận bản dạng giới.

2. Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công nhận bản dạng giới của công dân.

3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện can thiệp y học để chuyển đổi giới tính.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chuyển đổi giới tính, thực hiện chuyển đổi hình thể phù hợp với giới tính của công dân.

**Điều 3: Giải thích từ ngữ**

1. Bản dạng giới là một cảm nhận bền vững tự thân của cá thể về giới tính của mình mà chỉ tự họ nhận ra trong quá trình sống, không phụ thuộc vào giới tính bên ngoài khi mới sinh ra của họ.

2. Giới tính khi sinh.

3. Người chuyển giới.

4. Chuyển đổi giới tính.

5. Can thiệp y học cho người chuyển giới.

6. Giới tính được pháp luật công nhận.

**Điều 4: Chính sách của Nhà nước về bản dạng giới**

1. Thừa nhận, tôn trọng và bảo đảm quyền chuyển đổi giới tính của công dân.

2. Tôn trọng, tạo điều kiện cho người chuyển giới được tự do lựa chọn sử dụng hoặc không sử dụng các biện pháp can thiệp y học để thực hiện chuyển đổi giới tính.

3. Bảo đảm công dân được sống đúng với bản dạng giới của mình thông qua việc công nhận giới tính mới, phù hợp với bản dạng giới của người đó.

4. Thực hiện các biện pháp phù hợp với các tiêu chuẩn, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên về tôn trọng, bảo đảm quyền con người.

5. Tôn trọng và bảo đảm thực hiện quyền của người chuyển giới

6. Bảo đảm thực thi quyền bình đẳng của người chuyển giới.

7. Trách nhiệm của Nhà nước trong bảo vệ sức khỏe, tính mạng của công dân khi thực hiện can thiệp y học.

**Điều 5: Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Lợi dụng việc công nhận bản dạng giới để trốn tránh trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

2. Vận động, thúc ép, bắt buộc người khác chuyển đổi giới tính nhằm mục đích không trong sáng, trục lợi;

3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây khó khăn cho việc thực hiện quyền công nhận bản dạng giới của người chuyển giới.

4. Cản trở, gây khó khăn đối với việc công nhận bản dạng giới của người chuyển giới.

5. Kỳ thị, phân biệt đối xử, đưa thông tin sai lệch đối với người chuyển giới và gia đình họ.

6. Tiết lộ thông tin cá nhân, gia đình của người chuyển giới mà không có sự đồng ý của họ.

7. Thực hiện can thiệp y học đối với người chuyển giới khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

8. Triệt sản khi phẫu thuật bộ phận sinh dục mà người đó không đồng ý.

9. Việc công nhận bản dạng giới đối với cá nhân không làm thay đổi các quyền, nghĩa vụ mà cá nhân đó đang thực hiện trong các quan hệ được điều chỉnh bởi các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 6. Quyền, nghĩa vụ của công dân trong việc yêu cầu công nhận bản dạng giới**

1. Được đề nghị công nhận bản dạng giới mà không bắt buộc phải thực hiện can thiệp y học để chuyển đổi giới tính; việc thực hiện can thiệp y học để chuyển đổi giới tính là hoàn toàn tự nguyện;

2. Được tôn trọng, bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quyền riêng tư khác của người chuyển đổi giới tính.

3. Được bảo đảm quyền học tập, lao động và hòa nhập gia đình, xã hội sau khi thực hiện can thiệp y học để chuyển đổi giới tính;

4. Được bảo đảm các quyền khác theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

**Chương II**

# **ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, THỦ TỤC ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

# **CÔNG NHẬN BẢN DẠNG GIỚI**

**Điều 7. Các trường hợp được công nhận bản dạng giới**

1. Người chuyển đổi từ giới tính nam sang giới tính nữ

2. Người chuyển đổi từ giới tính nữ sang giới tính nam

**Điều 8. Thẩm quyền công nhận bản dạng giới**

Cơ quan quản lý hộ tịch cấp huyện nơi người chuyển giới đăng ký cư trú có thẩm quyền công nhận bản dạng giới cho người đó.

**Điều 9. Điều kiện cá nhân được đề nghị công nhận bản dạng giới**

1. Độ tuổi: từ đủ 18 tuổi trở lên.

2. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ

3. Tình trạng hôn nhân độc thân.

4. Không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nước ngoài hoặc pháp luật Việt Nam.

**Điều 10. Thủ tục công nhận giới tính mới**

1. Công dân nộp đơn và các giấy tờ kèm theo đề nghị công nhận giới tính mới cho cơ quan quản lý hộ tịch cấp huyện. Các loại giấy tờ kèm theo gồm lý lịch tư pháp và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là độc thân.

2. Trong vòng 15 ngày kể từ khi công dân nộp đơn và các giấy tờ kèm theo như yêu cầu thì cơ quan quản lý hộ tịch thành lập Hội đồng Công nhận giới tính và ra thông báo cho công dân.

3. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hội đồng được thành lập, công dân phải gặp bác sỹ tâm thần và chuyên gia tâm lý (là thành viên Hội đồng) để lấy được đánh giá và có xác nhận không có rối loạn tâm thần của bác sỹ tâm thần và cảm nhận giới bền vững của chuyên gia tâm lý; gửi đến Hội đồng thông qua cơ quan tư pháp cấp huyện.

4. Chậm nhất là ngày thứ 155 kể từ ngày thành lập, Hội đồng họp với sự có mặt của công dân để biểu quyết về việc công nhận giới tính mới của công dân.

5. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày Hội đồng biểu quyết, cơ quan hộ tịch cấp huyện phải ra quyết định về việc công nhận giới tính mới khác với giới tính khi sinh của công dân.

Tổng thời gian từ khi công dân nộp đơn đến khi cơ quan quản lý hộ tịch cấp huyện ra quyết định công nhận giới tính mới khác với giới tính khi sinh của công dân là không quá 180 ngày.

**Điều 11. Hội đồng công nhận giới tính**

1. Hội đồng công nhận giới tính là hội đồng do cơ quan quản lý hộ tịch cấp huyện thành lập theo đề nghị của người đề nghị xác nhận bản dạng giới.

2. Thành phần Hội đồng bao gồm bác sỹ chuyên khoa tâm thần, chuyên gia tâm lý, đại diện chính quyền địa phương nơi cư trú.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng công nhận giới tính.

**Điều 12**. **Các trường hợp bị hạn chế công nhận giới tính mới**

1. Công dân chỉ được đề nghị công nhận giới tính mới 2 lần.

2. Các trường hợp khác.

**Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của công dân sau khi được công nhận bản dạng giới theo yêu cầu**

1. Được tôn trọng, bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quyền riêng tư khác của người chuyển đổi giới tính;

2. Được quyền đăng ký thay đổi giấy tờ hộ tịch sau khi được công nhận là người chuyển đổi giới tính;

3. Được bảo đảm quyền học tập, lao động và hòa nhập gia đình, xã hội sau khi công nhận bản dạng giới;

4. Được bảo đảm quyền kết hôn theo giới tính mới sau khi được công nhận là người chuyển đổi giới tính;

5. Được bảo đảm các quyền khác theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

**Điều 14. Đăng ký hộ tịch và thay đổi các giấy tờ pháp lý có liên quan cho người chuyển đổi giới tính**

Cơ quan quản lý hộ tịch cấp huyện thực hiện đăng ký hộ tịch cho người đã được công nhận bản dạng giới theo yêu cầu.

**Chương III**

**ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ ĐỐI VỚI DỊCH VỤ TƯ VẤN, CAN THIỆP Y HỌC CHO NGƯỜI CÓ NHU CẦU CHUYỂN ĐỔI GIỚI TÍNH**

**Điều 15. Quyền, nghĩa vụ của công dân khi thực hiện can thiệp y học**

1. Công dân có quyền lựa chọn thay đổi hoặc không thay đổi cơ thể đúng với giới tính đã được công nhận.

2. Được tư vấn, hỗ trợ về tâm lý, y tế trước, trong và sau khi thực hiện can thiệp y học để chuyển đổi giới tính.

3. Thực hiện tái khám định kỳ để kiểm tra và theo dõi kết quả phẫu thuật, sức khỏe tổng quát.

**Điều 16. Điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho người có nhu cầu chuyển đổi giới tính**

1. Thủ tục và điều kiện để cung cấp dịch vụ tư vấn cho người có nhu cầu chuyển đổi giới tính.

2. Những nội dung cơ bản trong tư vấn chuyển đổi giới tính:

a) Trước chuyển đổi giới tính.

b) Trong quá trình chuyển đổi giới tính.

c) Sau chuyển đổi giới tính.

**Điều 17. Điều kiện của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện can thiệp y học**

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép can thiệp y học để xác định lại giới tính phải đáp ứng được các điều kiện sau đây:

1. Có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và nhân lực theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;

2. Được Bộ Y tế thẩm định và cho phép bằng văn bản đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế; được cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định và cho phép bằng văn bản đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của y tế ngành, y tế tư nhân thuộc địa bàn quản lý.

**Điều 18. Thủ tục đề nghị công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện can thiệp y học**

Bộ Y tế ban hành quy trình công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện can thiệp y học.

**Điều 19. Yêu cầu đối với cơ sở thực hiện can thiệp y tế cho người chuyển giới**

1. Cơ sở thực hiện can thiệp y tế cho người chuyển giới phải bảo đảm về tiêu chuẩn, chất lượng do Bộ Y tế cấp phép.

2. Cơ sở thực hiện can thiệp y tế cho người chuyển giới phải bảo đảm sức khỏe, tính mạng cho người chuyển giới.

**Điều 20. Chăm sóc sức khỏe cho người chuyển giới**

Bộ Y tế ban hành quy trình chăm sóc sức khỏe cho người chuyển giới sau khi thực hiện can thiệp y tế; ban hành quy định về tư vấn tâm lý cho người có bản dạng giới khác với giới tính khi sinh.

**Điều 21. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

1. Trách nhiệm của Nhà nước đối với người chuyển giới, người đã được công nhận giới tính mới, người đã can thiệp y tế chuyển đổi giới tính.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người chuyển giới, người đã can thiệp y tế chuyển đổi giới tính.

**Chương IV**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VIỆC CHUYỂN ĐỔI GIỚI TÍNH**

**Điều 22. Nội dung quản lý nhà nước về chuyển đổi giới tính**

1. Quản lý nhà nước về công nhận bản dạng giới.

2. Quản lý nhà nước về chuyển đổi giới tính ở người chuyển giới.

3. Quản lý nhà nước về quy trình kỹ thuật nghiệp vụ can thiệp y tế cho người có nhu cầu chuyển đổi giới tính.

**Điều 23. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với người chuyển giới và người đã được công nhận giới tính mới**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo đảm quyền và nghĩa vụ của người chuyển giới, người chuyển đổi giới tính.

2. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bảo đảm quyền và nghĩa vụ của người chuyển giới, người đổi giới tính.

3. Bộ Y tế chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về chuyên môn quy trình kỹ thuật nghiệp vụ trong xác nhận bản dạng giới, thực hiện can thiệp y tế cho người có nhu cầu chuyển đổi giới tính.

**Điều 24. Trách nhiệm Bộ, cơ quan ngang Bộ và chính quyền địa phương**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm triển khai hoạt động bảo vệ quyền của người chuyển giới, người chuyển đổi giới tính.

2. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ quyền của người chuyển giới, người chuyển đổi giới tính tại địa phương.

**Điều 25. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội**

1. Tham gia trong việc tuyên truyền, vận động để người dân hiểu rõ về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bản dạng giới, công tác bảo đảm thực thi quyền, nghĩa vụ của người chuyển giới, người chuyển đổi giới tính.

2. Tư vấn cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân về các vấn đề liên quan đến bản dạng giới, người chuyển giới và người chuyển đổi giới tính.

3. Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về bản dạng giới, về bảo vệ quyền của người chuyển giới, người chuyển đổi giới tính; phản biện xã hội đối với các chính sách, pháp luật về bản dạng giới, bảo vệ của người chuyển giới, người chuyển đổi giới tính.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 26. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ….. tháng … năm 202....

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ … thông qua ngày … tháng …. năm 202...*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**  **Vương Đình Huệ** |